



Số: 119/2026/QTMT/QTĐK

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI**

1. Thời gian lấy mẫu: Ngày 27 tháng 01 năm 2026.
2. Thời gian thử nghiệm: từ ngày 27/01/2026 đến ngày 03/02/2026.
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ $20 \pm 5^{\circ}\text{C}$; Độ ẩm: $60 \pm 10\%$
4. Mục đích lấy mẫu: Lập báo cáo Quan trắc định kỳ đợt 01 năm 2026 tại Nhà máy Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh.
5. Lấy mẫu: Tổ quan trắc hiện trường Gửi phòng thử nghiệm
6. Vị trí lấy mẫu:

- NT09: Nước thải đầu vào tại bể thu gom của hệ thống xử lý tập trung, điểm lấy mẫu có toạ độ: $105^{\circ}53'38,66''$ (Đ); $18^{\circ}17'41,00''$ (B);

- NT10: Nước thải sau hệ thống xử lý (trước khi xả ra môi trường), điểm lấy mẫu có toạ độ: $105^{\circ}53'38,33''$ (Đ); $18^{\circ}17'40,41''$ (B);

7. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	
				NT09	NT10
1	Lưu lượng ⁽¹⁾	SOP.HT.07.36	m ³ /h	162	29,6
2	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	6,5	7,3
3	Nhiệt độ ⁽¹⁾	SMEWW 2550B:2023	°C	31,0	24,5
4	Độ màu	TCVN 6185:2015	Pt-Co	566	35,5
5	BOD ₅	TCVN 6001-1:2021	mg/l	310	4,7
6	COD	SMEWW 5220C:2023	mg/l	1.160	12
7	Chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/l	380	20
8	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	51,5	0,85
9	Tổng Phenol	TCVN 6216: 1996	mg/L	0,14	0,0012
10	Sunfua (H ₂ S)	SMEWW 4500-S ² B&D:2023	mg/l	0,13	<0,04
11	Tổng Nitơ	TCVN 6638:2000	mg/l	86,3	16,7
12	Tổng Photpho	SMEWW 4500-P.B&E:2023	mg/l	15,7	2,52
13	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/100ml	11.000	100
14	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520.B&F:2023	mg/l	4,2	<1,0

Ghi chú:

- (1): Phép thử đo tại hiện trường;
- Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QT TN&MT Hà Tĩnh.
Hà Tĩnh, ngày 29 tháng 2 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG

Lê Thị Lệ Thúy

GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Sơn